

Bản án số: 57/2022/ HNGĐ- ST

Ngày: 07/7/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Lan – Thẩm phán

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hữu Thủy và bà Đào Thị Hiền

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn** tham gia phiên tòa, bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:12/2022/TLST – HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2022/QĐXX – ST ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm: 1988.

Nơi ĐKNKTT: Thôn Th, xã Th, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố , thị trấn N, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

*Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm: 1985

Nơi ĐKNKTT: Thôn Th, xã Th, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị T, vắng mặt anh L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2021, lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- Hôn nhân: Chị T và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Th, huyện Triệu Sơn cấp ngày 15/11/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, không hỗ trợ chị T trong việc chăm sóc các con mà để mình chị T tự lo liệu,

ngoài ra anh L còn thường xuyên uống rượu say về nhà hành hạ, đánh đập chị T và các con nhiều lần. Vì T các con nên chị T đã nhẫn nhịn nhưng anh L vẫn không thay đổi. Đến tháng 7 năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng chị T và hai con về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo.

Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Lu, sinh ngày 10/4/2017 và cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/8/2020. Từ khi các cháu còn nhỏ anh L đã không có trách nhiệm với con và không chăm lo cho các con, một mình chị tự lo liệu. Kể từ khi chị T và các con về nhà mẹ đẻ chị sống anh L vẫn bỏ mặc 2 con chung cho chị tự lo liệu, không hỏi han, quan tâm và chăm sóc các cháu.

Hiện tại chị đang làm trong quán ăn tại thành phố Thanh Hóa, sáng đi tối về, thu nhập bình quân mỗi tháng là 8.000.000đ, ngoài ra nếu làm tăng ca sẽ có thêm tiền tăng ca.

Về nơi ăn ở: Chị T và các con hiện tại đang sống cùng mẹ đẻ của chị và em trai. Mẹ chị đang còn khỏe, em trai chưa lấy vợ nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc cháu, nuôi dưỡng các cháu

Nay ly hôn nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Quá trình Tòa án tiến hành giải quyết vụ án, đã tổng đạt trực tiếp các thủ tục tố tụng cho anh Lê Văn L, anh L có mặt ở nhà, trực tiếp nhận tất cả các thông báo của Tòa án nhưng không có bản tự khai và cũng không tham gia tố tụng tại Tòa án, do đó Tòa án không ghi được ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T và cũng không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **\* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.**

- Về tố tụng:

Quá trình nhận hồ sơ, thụ lý vụ án và giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành và tuân thủ theo đúng quy định. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo các quy định của luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử.

*Hôn nhân:* Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê văn L

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Lu, sinh ngày 10/4/2017 và cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/8/2020.

Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản:* Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

*Về án phí:* Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### *[1] Về tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Văn L theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, anh L vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

#### *[2] Về hôn nhân:*

Chị Lê Thị T và anh Lê Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn do Ủy ban nhân dân xã Thái Hòa, huyện Triệu Sơn cấp ngày 15/11/2017. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên uống rượu say về nhà hành hạ, đánh đập vợ và các con, địa phương đã nhiều lần đến can thiệp, nhắc nhở nhưng anh L vẫn không thay đổi. Đến tháng 7 năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng chị T và hai con về nhà mẹ đẻ sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài.

Chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Văn L.

#### *[3] Về con chung:*

Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Văn Lu, sinh ngày 10/4/2017 và cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/8/2020. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Quá trình vợ chồng vẫn chung sống cùng nhau, anh L là thường xuyên uống rượu say về nhà đánh đập vợ và các con. Kể từ khi vợ chồng sống ly thân cả hai con chung sống cùng mẹ tại nhà bà ngoại nhưng anh L không quan tâm, chăm sóc cho các cháu. Kể từ khi Tòa án tiến hành giải quyết vụ án anh L có mặt tại địa phương, trực tiếp nhận tất cả các thông báo của Tòa án nhưng anh không có ý kiến gì đối với yêu cầu được nuôi con chung của chị T.

Về điều kiện nuôi dưỡng con chung của chị T: Hiện tại chị T đang làm trong quán ăn tại thành phố Thanh Hóa, sáng đi tối về, thu nhập bình quân mỗi tháng là 8.000.000đ, ngoài ra nếu làm tăng ca sẽ có thêm tiền tăng ca. ba mẹ con chị T hiện đang sống tại nhà mẹ đẻ của chị T tại Tổ dân phố 1, thị trấn Nưa, huyện Triệu Sơn, điều kiện ăn ở, sức khỏe và học tập của các cháu đều tốt, mẹ chị còn khỏe, em trai chưa có vợ nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu. Do đó để không làm sáo trộn cuộc sống của các cháu nên giao cả hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản:

Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên :

### **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điều 227, điều 228 , Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý về án phí, lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Lê Văn L
- Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lê Văn Lu, sinh ngày 10/4/2017 và cháu Lê Thị Kim N, sinh ngày 28/8/2020 cho chị Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung

Anh L được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng nếu chị T không còn đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục con thì anh L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng là 300.000đ tại biên lai số 0004338 ngày 20/1/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận :***

- Tòa án tỉnh;
- VKS Triệu Sơn;
- C.cục thi hành án DS Triệu Sơn;
- UBND xã Thái Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.**

**Lê Thị Lan**

